

Số: 23 /2021/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 09 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp và uỷ quyền
trong việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Xây dựng sửa đổi,
bổ sung một số điều Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6
năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đầu tư theo phương thức đối
tác công tư;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp và uỷ quyền trong việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 10 năm 2021 và thay thế Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh về ban hành Quy định phân công, phân cấp và uỷ quyền quản lý

dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

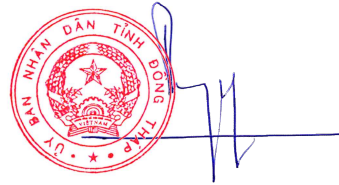
Điều 3. Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT/TU; TT/HĐND tỉnh;
- TT/UBND tỉnh;
- Các Ban đảng, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT+NC/ĐTXD.nhthu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Trí Quang

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp và uỷ quyền trong việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

*(Kèm theo Quyết định số 23 /2021/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2021
của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định việc phân công, phân cấp và uỷ quyền trong việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư, cụ thể như sau:

- Công bố giá, chỉ số giá xây dựng;

- Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; thẩm định, quyết định đầu tư dự án; thẩm định, phê duyệt thiết kế sau thiết kế cơ sở (bao gồm dự toán hoặc dự toán gói thầu); tổ chức quản lý dự án; thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công; trừ các dự án công trình xây dựng đặc thù;

- Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với các công trình thuộc dự án PPP;

- Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn khác.

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ quốc phòng, an ninh còn phải tuân thủ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an về thẩm quyền, trình tự thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 5 Điều 56 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020 (sau đây gọi tắt là Luật số 62/2020/QH14);

c) Đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước còn phải tuân thủ theo quy định về thẩm quyền, trình tự thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo Nghị định số

73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

d) Đối với các dự án được đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP), dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài còn phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về PPP và pháp luật về quản lý sử dụng vốn ODA và pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn trong quản lý dự án đầu tư; các tổ chức, cá nhân hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Phân công đối với các Cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công thực hiện một số công việc tại Quy định này, cụ thể như sau:

a) Sở Xây dựng đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị);

b) Sở Giao thông vận tải đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; trừ dự án, công trình quy định tại điểm a Khoản này;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Công Thương đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp; trừ dự án, công trình quản lý quy định tại điểm a Khoản này.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện là cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (gồm Phòng Quản lý đô thị của các thành phố hoặc Phòng Kinh tế Hạ tầng của các huyện) được phân cấp thực hiện một số công việc tại Quy định này.

Điều 3. Phân cấp công bố giá, chỉ số giá

Thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, thẩm quyền công bố được phân cấp như sau:

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Công thương xác định giá các loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình và phân cấp Sở Xây dựng công bố theo định kỳ hàng quý hoặc sớm hơn khi cần thiết.

2. Phân cấp cho Sở Xây dựng công bố theo định kỳ hàng năm hoặc sớm hơn khi cần thiết Đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng.

3. Phân cấp cho Sở Xây dựng công bố chỉ số giá xây dựng theo định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc sớm hơn khi cần thiết; đồng thời gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý.

Chương II

DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG, VỐN NHÀ NƯỚC NGOÀI ĐẦU TƯ CÔNG

Mục 1. XÁC ĐỊNH CHỦ ĐẦU TƯ; LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Điều 4. Xác định chủ đầu tư

1. Thời điểm xác định chủ đầu tư

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư được xác định trước khi lập dự án đầu tư xây dựng hoặc khi phê duyệt dự án hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan theo quy định tại Điều 7 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14;

b) Đối với dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng, chủ đầu tư được xác định trước khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc khi phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công

a) Căn cứ điều kiện cụ thể của dự án, người quyết định đầu tư giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực làm chủ đầu tư. Trường hợp không có Ban quản lý dự án hoặc có Ban quản lý dự án nhưng không đủ điều kiện thực hiện (đối với các dự án thuộc lĩnh vực có tính chuyên môn cao như y tế, văn hoá...) thì người quyết định đầu tư quyết định việc giao cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, năng lực quản lý làm chủ đầu tư;

b) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Công an tỉnh làm chủ đầu tư các dự án sử dụng ngân sách tỉnh được phân bổ cho đơn vị.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức được người quyết định đầu tư giao quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng.

4. Đối với dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng, chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức được người quyết định đầu tư giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư công.

Điều 5. Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

1. Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

Đối với dự án nhóm A, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

2. Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công nhóm B, C:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao cho các cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư;

- Riêng đối với dự án sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách cấp xã quản lý và phân bổ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

b) Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công:

- Việc đề xuất chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và đầu tư;

- Riêng các dự án sử dụng vốn sự nghiệp (ngoại trừ vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật) không yêu cầu lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư, chủ đầu tư căn cứ vào quyết định giao vốn sự nghiệp hàng năm tổ chức thực hiện lập, trình thẩm định phê duyệt dự án; thẩm định, phê duyệt thiết kế và dự toán theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng; riêng các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 6. Thẩm quyền, thời gian thẩm định nội bộ để thẩm định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công

1. Giao Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án tổ chức thẩm định nội bộ. Tùy vào tình hình nguồn lực thực tế của đơn vị, tính chất của dự án, Cơ quan, tổ chức được giao thẩm định nội bộ có thể thành lập Hội đồng thẩm định nội bộ.

2. Thời gian thực hiện thẩm định nội bộ không quá 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm A và không quá 05 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, nhóm C.

Điều 7. Thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư

1. Thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư:

a) Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Chủ tịch thường trực; Ủy viên Hội đồng gồm lãnh đạo các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách đầu tư xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, các sở ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan đến dự án đầu tư;

b) Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư cấp huyện do Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phụ trách kinh tế làm Chủ tịch; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch làm Phó Chủ tịch; Ủy viên Hội đồng gồm lãnh đạo các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị, các phòng liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan đến dự án đầu tư;

c) Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư cấp xã do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ tịch; công chức Tài chính - Kế toán làm Ủy viên thường trực; Ủy viên Hội đồng gồm: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, công chức địa chính - xây dựng.

2. Thẩm quyền thẩm định và trình phê duyệt chủ trương đầu tư:

a) Dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật; sản xuất chất độc hại, chất nổ; hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao: Cơ quan, tổ chức được giao lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trình Hội đồng thẩm định Chủ trương đầu tư cấp tỉnh thẩm định; hoàn chỉnh báo cáo theo ý kiến của Hội đồng thẩm định, thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm soát và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đề trình Hội đồng nhân dân Tỉnh cho ý kiến trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án nhóm A, nhóm B do địa phương quản lý, trừ dự án quy định tại Điểm a, điểm c Khoản này: Cơ quan, tổ chức được giao lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án trình Hội đồng thẩm định Chủ trương đầu tư cấp Tỉnh thẩm định; hoàn chỉnh theo ý kiến của Hội đồng thẩm định, thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

c) Đối với dự án nhóm B sử dụng vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ: Cơ quan, tổ chức được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Hội đồng thẩm định Chủ trương đầu tư cấp Tỉnh thẩm định; hoàn chỉnh báo cáo theo ý kiến của Hội đồng thẩm định, thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư;

d) Đối với dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp Tỉnh quản lý, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, đề trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

đ) Đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách cấp huyện, cấp xã, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp do cấp huyện, cấp xã quản lý và phân bổ:

- Dự án sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách cấp huyện quản lý và phân bổ: Cơ quan, tổ chức được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Hội đồng thẩm định Chủ trương đầu tư cấp huyện hoặc đơn vị có chức năng thực hiện thẩm định; Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư;

- Dự án sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách cấp xã quản lý và phân bổ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư.

3. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công theo quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019.

4. Điều chỉnh chủ trương đầu tư:

a) Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

b) Các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Luật đầu tư công năm 2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

c) Thẩm quyền thẩm định điều chỉnh và trình phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư được quy định tại Khoản 2 Điều này.

Mục 2. THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Điều 8. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Dự án sử dụng vốn đầu tư công

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 35 Luật đầu tư công năm 2019;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 35 Luật đầu tư công năm 2019;

c) Đối với dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, thẩm quyền quyết định đầu tư quy định tại Điều 13 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

2. Dự án đầu tư xây dựng của doanh nghiệp có sử dụng vốn đầu tư của nhà nước, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, trừ dự án quy định tại khoản 2 Điều này, chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Thẩm quyền, thời gian thẩm định nội bộ để thẩm định dự án đầu tư công

1. Giao cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ lập dự án hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định được chủ đầu tư) tổ chức thẩm định nội bộ; Cơ quan, tổ chức hoặc chủ đầu tư được giao thẩm định nội bộ có thể thành lập Hội đồng thẩm định nội bộ tùy vào tình hình nguồn lực thực tế của đơn vị, tính chất của dự án.

2. Thời gian thực hiện thẩm định nội bộ không quá 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm A và không quá 05 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, nhóm C.

Điều 10. Thẩm quyền thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng

1. Dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định dự án.
2. Dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư, căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương để thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định.
3. Dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương để thành lập Hội đồng thẩm định.
4. Dự án do Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư (dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư), người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào điều kiện thực tế của đơn vị để thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định.

Điều 11. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công; dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công có quy mô nhóm B hoặc có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng trên địa bàn tỉnh; trừ các dự án do Cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, thẩm quyền thẩm định được phân cấp như sau:

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án thuộc chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này, trừ các dự án theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án có công trình cấp III trở xuống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 12. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của người quyết định đầu tư

1. Dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư:

a) Giao Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (cũng là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của người quyết định đầu tư đối với dự án thuộc chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này. Riêng đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện thẩm định đồng thời với việc thẩm định quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định này;

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng và các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia do Tỉnh quản lý, phải có ý kiến thẩm định của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đối với di tích cấp tỉnh và Cục Di sản Văn hoá đối với di tích cấp quốc gia (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có văn bản đề nghị Cục Di sản Văn hoá tham gia ý kiến) theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá, về hoạt động mỹ thuật trước khi cơ quan chuyên môn của người quyết định đầu tư thẩm định.

2. Dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để tổ chức, triển khai thực hiện đúng theo quy định của pháp luật (được giao cho cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện, cũng là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định; riêng đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện thẩm định đồng thời với việc thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy định này).

3. Dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để tổ chức, triển khai thực hiện đúng theo quy định của pháp luật (giao tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án thực hiện thẩm định).

4. Dự án do Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư (dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư).

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư, giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án khi không có cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện thẩm định theo quy định.

5. Dự án do cơ quan, tổ chức khác quyết định đầu tư, trừ dự án quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư, giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án khi không có cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện thẩm định theo quy định.

Điều 13. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ

1. Cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định tại Điều 12 Quy định này phải gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền chủ trì thẩm định công nghệ đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc chủ trì có ý kiến về công nghệ đối với dự án sử dụng

vốn nhà nước ngoài đầu tư công để thực hiện thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định tại Điều 16 và 17 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền thẩm định hoặc góp ý kiến về công nghệ:

a) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thẩm định công nghệ; trừ các dự án quy định tại Điểm a và b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

b) Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, Cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định tại Điều 12 Quy định này chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan có ý kiến về công nghệ; trừ các dự án quy định tại Điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 14. Điều chỉnh dự án đầu tư

1. Điều chỉnh dự án đầu tư thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công năm 2019 và Luật Xây dựng năm 2014, Luật số 62/2020/QH14 tùy theo nguồn vốn sử dụng.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh:

a) Cơ quan chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định điều chỉnh dự án theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và Luật số 62/2020/QH14.

b) Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh của Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện theo phân cấp tại Điều 11 Quy định này. Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi nhóm dự án hoặc cấp công trình xây dựng của dự án, thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh được xác định theo thẩm quyền của nhóm dự án, cấp công trình sau điều chỉnh.

c) Việc điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP. Thẩm quyền thẩm định tổng mức đầu tư điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Quy định này.

Mục 3. THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ, DỰ TOÁN GÓI THẦU XÂY DỰNG

Điều 15. Thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (bao gồm việc thẩm định dự toán xây dựng công trình) của cơ quan chuyên môn về xây dựng

Đối với công trình thuộc các dự án sử dụng vốn đầu tư công; công trình thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công có quy mô nhóm B hoặc có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng trên địa bàn tỉnh; trừ các công trình do Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định theo quy định tại điểm a Khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng được phân cấp như sau:

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định đối với công trình thuộc dự án chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này, trừ các dự án theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định tổ chức thẩm định đối với công trình thuộc dự án có công trình cấp III trở xuống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 16. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (bao gồm việc thẩm định dự toán xây dựng công trình) của chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (trừ trường hợp người quyết định đầu tư có quy định khác tại quyết định đầu tư xây dựng) đối với bước thiết kế sau:

a) Thiết kế FEED trong trường hợp thực hiện hình thức hợp đồng thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng công trình (Engineering - Procurement - Construction, sau đây gọi là hợp đồng EPC);

b) Thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế ba bước hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế hai bước;

c) Bước thiết kế khác ngay sau bước thiết kế cơ sở trong trường hợp thực hiện thiết kế nhiều bước theo thông lệ quốc tế.

2. Đối với các bước thiết kế còn lại, chủ đầu tư quyết định việc kiểm soát thiết kế theo quy định tại hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Đối với công trình thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư công; công trình thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công có quy mô nhóm B trở lên hoặc công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng còn phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại Điều 15 Quy định này.

4. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (trừ trường hợp người quyết định đầu tư có quy định khác) và quyết định phê duyệt này được gửi cho người quyết định đầu tư.

Điều 17. Điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Các trường hợp điều chỉnh thiết kế xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Xây dựng năm 2014. Khi điều chỉnh thiết kế xây dựng mà có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu của kết cấu chịu lực, biện pháp tổ chức thi công ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình thì việc điều chỉnh thiết kế xây dựng phải được thẩm định và phê duyệt theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Quy định này.

2. Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

Điều 18. Thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu

1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định 10/2021/NĐ-CP. Đối với dự án thực hiện thiết kế kỹ thuật tổng thể (FEED) để triển khai hợp đồng thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng công trình (EPC) và đối với dự án, công trình được người quyết định đầu tư cho phép triển khai thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo từng gói thầu xây dựng, từng giai đoạn kế hoạch thực hiện dự án, thẩm quyền thẩm định dự toán gói thầu (thực hiện đồng thời với việc thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở) thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Quy định này.

2. Đối với dự toán xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật, trường hợp cần thiết chủ đầu tư tự xác định, tự thẩm định và phê duyệt dự toán gói thầu trên cơ sở các khoản mục chi phí thuộc phạm vi của gói thầu trong dự toán xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt.

Mục 4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 19. Hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Người quyết định đầu tư quyết định áp dụng hình thức tổ chức quản lý dự án theo quy định Điều 62 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14; Điều 20 Nghị định 15/2021/NĐ-CP (Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án cấp huyện; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án; chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc; tổ chức tư vấn quản lý dự án).

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh làm chủ đầu tư, áp dụng hình thức tổ chức quản lý dự án sau:

a) Dự án có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng, chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc trực tiếp quản lý dự án;

b) Dự án có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên, áp dụng hình thức Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án cấp huyện để thực hiện quản lý dự án.

Điều 20. Hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng

1. Người quyết định đầu tư quyết định áp dụng hình thức tổ chức quản lý dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP (Ban quản lý dự án, thuê tư vấn quản lý dự án, chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án).

2. Riêng đối với các dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh làm chủ đầu tư thực hiện hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Mục 5. KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU VÀ QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Điều 21. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2013 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Riêng đối với gói thầu thuộc dự án có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 01 tỷ đồng (bao gồm dự án sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng thuộc đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, uỷ quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Điều 22. Quyết toán dự án hoàn thành

Quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công; riêng đối với dự án nhóm B, C thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, uỷ quyền Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Chương III

DỰ ÁN PPP, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN KHÁC

Điều 23. Thẩm quyền thẩm định đối với dự án PPP

1. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án thuộc chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này; trừ các dự án do Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối quản lý về hoạt động PPP, chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư.

3. Thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án thuộc chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này; trừ các dự án do Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 36 Nghị định 15/2021/NĐ-CP.

Điều 24. Thẩm quyền thẩm định đối với công trình, dự án sử dụng vốn khác

1. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

Đối với các dự án đầu tư xây dựng có quy mô lớn quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng; trừ dự án theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, các Sở xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án thuộc chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này.

2. Thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

Đối với các dự án đầu tư xây dựng có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn; trừ các dự án do Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 36 Nghị định 15/2021/NĐ-CP, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với các dự án, công trình thuộc chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này.

Điều 25. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ

1. Cơ quan chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của người quyết định đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền có ý kiến về công

nghệ theo quy định tại khoản 3 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Đối với dự án PPP, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định về công nghệ khi tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

3. Đối với dự án sử dụng vốn khác, Cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quy định này chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan có ý kiến về công nghệ; trừ các dự án quy định tại Điểm a khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Xử lý chuyển tiếp

Đối với Dự án, công trình đã trình cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định nhưng chưa có kết quả thẩm định thì thực hiện việc thẩm định theo Quy định này.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được giao làm chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy định này; định kỳ theo quy định, báo cáo kết quả thực hiện quản lý đầu tư xây dựng gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư và đồng gửi Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn vướng mắc phải kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giao Sở Xây dựng phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi tổng hợp, kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị thực hiện; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Trí Quang